TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHONG THỔ** **TỈNH LAI CHÂU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 76/2022/QĐST-HNGĐ	*Phong Thổ, ngày 26 tháng 9 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v: Yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHONG THỔ, TỈNH LAI CHÂU

Thành phần giải quyết việc dân sự:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Đỗ Thị Hạnh.

Thư ký phiên họp: Ông Nguyễn Việt Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu tham gia phiên họp: Ông Đồng Xuân Tím - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu, mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 104/2022/TLST-HNGĐ, ngày 25 tháng 8 năm 2022, về việc yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật, theo Quyết định mở phiên họp số: 74/2022/QĐST-HNGĐ, ngày 16 tháng 9 năm 2022, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Ông Chang A T, sinh năm: 1968, địa chỉ: Bản P, xã H, huyện P, tỉnh Lai Châu, có đơn xin vắng mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

+ Ủy ban nhân dân xã Huổi Luông, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng A D - Chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã H, huyện P, tỉnh Lai Châu, có đơn xin vắng mặt.

+ Anh Giàng A P, sinh năm: 1991, địa chỉ: Bản H, xã H, huyện P, tỉnh Lai Châu, có đơn xin vắng mặt.

+ Chị Chang Mì C, sinh năm: 1991, địa chỉ: Bản H, xã H, huyện P, tỉnh Lai Châu, có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Theo đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự và lời khai trong quá trình giải quyết vụ việc, người yêu cầu là ông Chang A T trình bày:

Ông Chang A T là bố đẻ của chị Chang Mì C. Chị Chang Mì C, sinh ngày 07/12/1991, anh Giàng A P, sinh ngày 01/7/1991, kết hôn với nhau trên C sở tự nguyện, không bị ai ép buộc, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện P, tỉnh Lai Châu, ngày 15/8/2008. Năm 2008, do không hiểu biết quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình nên anh P, chị C đã đi đến Ủy ban nhân dân xã Huổi Luông để làm thủ tục đăng ký kết hôn. Việc anh P và chị C đăng ký kết hôn ngày 15/8/2008, tại Ủy ban nhân dân xã Huổi Luông đã vi phạm về điều kiện kết hôn theo quy định Ti khoản 1 Điều 9 của luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 nên ông T yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa anh P và chị C theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 06, quyển số 01, cấp ngày 15/8/2008, của Ủy ban nhân dân xã H, huyện P, tỉnh Lai Châu.

Quá trình giải quyết việc dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân xã H, người đại diện theo pháp luật là ông Hoàng A Dọ, chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, đề nghị Tòa án giải quyết việc hủy kết hôn trái pháp luật giữa anh Giàng A P và chị Chang Mì C theo đúng quy định của pháp luật, ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai và đơn xin vắng mặt tại phiên họp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Giàng A P và chị Chang Mì C đều trình bày: Anh P, sinh ngày 01/7/1991, chị C, sinh ngày 07/12/1991. Anh P và chị C kết hôn với nhau trên C sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 15/8/2022, tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện P, tỉnh Lai Châu. Khi đi đăng ký kết hôn, anh P, chị C chưa đủ tuổi kết hôn đúng như lời khai của ông T. Từ khi kết hôn, anh P và chị C sống hạnh phúc với nhau được một vài năm, sau đó thì thường phát sinh mâu thuẫn. Hiện nay, anh P và chị C không còn tình cảm với nhau, đều mong muốn được ly hôn, đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải đoàn tụ mà giải quyết hủy kết hôn trái pháp luật theo yêu cầu của ông Chang A T.

Về con chung, chị C và anh P có hai con chung là cháu Giàng Minh C1, sinh ngày 08/10/2011 và cháu Giàng Quang V, sinh ngày 23/10/2008. Chị C và anh P thỏa thuận thống nhất: Sau khi ly hôn, anh P là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu V cho đến khi cháu V đủ 18 tuổi. Chị C là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu C1 cho đến khi cháu C1 đủ 18 tuổi. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Giàng A P, chị Chang Mì C không ai yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Anh Giàng A P và chị Chang Mì C không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kết quả xác minh của Tòa án tại Ủy ban nhân dân xã H cho thấy anh Giàng A P có ngày, tháng, năm sinh chính xác là ngày 01/7/1991, chị Chang Mì C có ngày, tháng, năm sinh chính xác là ngày 07/12/1991. Tính đến ngày đăng ký kết hôn là ngày 15/8/2008, anh P, chị C đều chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn theo khoản 1

Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000. Khi làm thủ tục đăng ký kết hôn, Ủy ban nhân dân xã H đã không xem xét về độ tuổi của anh P, chị C nên dẫn đến việc đăng ký kết hôn cho anh P, chị C vi phạm khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000.

Ti phiên họp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết việc dân sự, Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật; người tham gia tố tụng thực hiện quyền, nghĩa vụ theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên họp, Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật.

Về giải quyết việc dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; các Điều 10, 11, 12, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm g khoản 2 Điều 39, các Điều 361, 362, 366, 367, 370, của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm b khoản 2 Điều 4 của Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP, ngày 06/01/2016, hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Tòa án chấp nhận đơn yêu cầu của ông Chang A T, hủy kết hôn trái pháp luật giữa anh Giàng A P và chị Chang Mì C theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 06, quyển số 01, cấp ngày 15/8/2008, của Ủy ban nhân dân xã H, huyện P, tỉnh Lai Châu. Chấp nhận đề nghị của anh Giàng A P và chị Chang Mì C, công nhận thỏa thuận của các đương sự về việc nuôi con sau ly hôn: Giao cháu Giàng Minh C1 cho chị Chang Mì C trực tiếp nuôi; giao cháu Giàng Quang V cho anh Giàng A P trực tiếp nuôi. Về lệ phí giải quyết việc dân sự, căn cứ Điều 149 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết số: 326/2016/UBNTVH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, người yêu cầu thuộc trường hợp không phải nộp lệ phí giải quyết việc dân sự. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập là chị Chang Mì C phải chịu 300.000 đồng tiền lệ phí, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí chị C đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra Ti phiên họp, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ Ti phiên họp, Tòa án nhân huyện Phong Thổ nhận định:

[1] Ông Chang A T là bố đẻ của chị Chang Mì C nên ông T có quyền yêu cầu Tòa án hủy kết hôn trái pháp luật giữa anh Giàng A P và chị Chang Mì C theo quy định tại khoản 2 Điều 10 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Việc đăng ký kết hôn giữa anh Giàng A P và chị Chang Mì C được thực hiện tại Ủy ban nhân dân xã Huổi Luông, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu theo quy định tại khoản 1 Điều 29; điểm b khoản 2 Điều 35, điểm g khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên họp, người yêu cầu, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt và đã có đơn xin vắng mặt nên Tòa án tiến hành mở phiên họp vắng mặt những người tham gia tố tụng theo quy định tại các Điều 238, 361; 367 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về yêu cầu giải quyết việc dân sự của người yêu cầu là ông Chang A T: Anh Giàng A P, sinh ngày 01/7/1991 và chị Chang Mì C, sinh ngày 07/12/1991 kết hôn với nhau trên C sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Huổi Luông, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu ngày 15/8/2022. Tại thời điểm đăng ký kết hôn, anh P, chị C chưa đủ tuổi kết hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 là nam từ 20 tuổi trở lên, nữ từ 18 tuổi trở lên. Vì vậy, việc ông Chang A T yêu cầu Tòa án hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa anh P và chị C theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 06, quyển số 01, cấp ngày 15/8/2008, của Ủy ban nhân dân xã H, huyện P, tỉnh Lai Châu là có căn cứ và cần được chấp nhận.

[4] Về yêu cầu của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là anh Giàng A P và chị Chang Mì C: Tại thời điểm Tòa án giải quyết yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật thì anh P, chị C đã đủ điều kiện về độ tuổi kết hôn. Tuy nhiên, anh P và chị C không còn tình cảm với nhau, không muốn cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình. Anh P, chị C đều đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải đoàn tụ mà đề nghị Tòa án hủy kết hôn trái pháp luật giữa anh P, chị C và công nhận thỏa thuận của anh P, chị C về nuôi con sau khi ly hôn. Nội dung thỏa thuận về nuôi con sau ly hôn giữa anh P, chị C không vi phạm pháp luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với nguyện vọng của các con chung. Căn cứ vào khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, các Điều 11, 12, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Thông tư liên tịch số: 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP, ngày 06/01/2016, hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, xét thấy yêu cầu của anh P, chị C là có căn cứ nên cần được chấp nhận.

[5] Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 11 của Nghị quyết số 326/2016/UBNTVH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, ông Chang A T không phải nộp tiền lệ phí giải quyết việc dân sự.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập là chị Chang Mì C phải chịu lệ phí giải quyết yêu cầu độc lập theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; các Điều: 10, 11, 12, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm g khoản 2 Điều 39, các Điều 149, 238, 361, 367, 370, 371, 372 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP, ngày 06/01/2016, hướng dẫn thi

hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

1. Chấp nhận yêu cầu giải quyết việc dân sự của ông Chang A T. Hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa anh Giàng A P và chị Chang Mì C theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 06, quyển số 01, cấp ngày 15/8/2008, của Ủy ban nhân dân xã Huổi Luông, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu.

2. Công nhận sự thỏa thuận của anh Giàng A P và chị Chang Mì C về việc nuôi con chung sau khi ly hôn: Anh Giàng A P là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Giàng Quang V cho đến khi cháu Vh đủ 18 tuổi. Chị Chang Mì C là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Giàng Minh C1 cho đến khi cháu C1 đủ 18 tuổi. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Giàng A P, chị Chang Mì C không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Anh Giàng A P và chị Chang Mì C không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về lệ phí Tòa án: Người yêu cầu không phải nộp lệ phí giải quyết việc dân sự. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập là chị Chang Mì C phải nộp 300.000 đồng tiền lệ phí giải quyết yêu cầu độc lập, khấu trừ vào số tiền Tm ứng lệ đã nộp theo biên lai số: AA/2021/0001239, ngày 26/8/2022, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu, chị C đã nộp đủ lệ phí giải quyết yêu cầu độc lập.

4. Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến việc giải quyết việc dân sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được thông báo, niêm yết.

Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định./.

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân tỉnh Lai Châu;
- VKSND huyện Phong Thổ;
- Người yêu cầu;
- Người có QL, NVLQ;
- UBND xã Huổi Luông (Nơi ĐKKH);
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Đỗ Thị Hạnh